|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0615a.N.LĐVL**  *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*  Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng 02 năm sau | **SỐ DOANH NGHIỆP CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG ĐƯỢC CẤP PHÉP VÀ SỐ LAO ĐỘNG CHO THUÊ LẠI**  Năm:……….. | Đơn vị báo cáo:  Đơn vị nhận báo cáo:  Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Số doanh nghiệp | Loại hình doanh nghiệp | | | Số lao động cho thuê lại (Người) | Số lượng doanh nghiệp thuê lại lao động | |
| Nhà nước | Ngoài nhà nước | Vốn đầu tư nước ngoài | Trong địa bàn tỉnh | Ngoài địa bàn tỉnh |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1. Số doanh nghiệp đã được cấp phép đầu kỳ báo cáo |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Số doanh nghiệp được cấp giấy phép lần đầu trong kỳ báo cáo |  |  |  |  |  |  |  |
| 3. Số doanh nghiệp được gia hạn giấy phép |  |  |  |  |  |  |  |
| 4. Số doanh nghiệp được cấp lại giấy phép |  |  |  |  |  |  |  |
| 5. Tổng số doanh nghiệp giảm trong kỳ báo cáo, trong đó: |  |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp hết hạn giấy phép mà không được gia hạn, cấp lại |  |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép |  |  |  |  |  |  |  |
| 6. Số doanh nghiệp có giấy phép đang hoạt động cuối kỳ1 |  |  |  |  |  |  |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Số doanh nghiệp có giấy phép đang hoạt động cuối kỳ = số doanh nghiệp đã được cấp giấy phép đầu kỳ (mục

1) + số doanh nghiệp được cấp giấy phép lần đầu (mục 2) - số doanh nghiệp giảm trong kỳ (mục 5).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0615b.N.LĐVL**  *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*  Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng 02 năm sau | **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**  Năm:……….. | Đơn vị báo cáo:  Đơn vị nhận báo cáo:  Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc cho thuê lại** | **Số doanh nghiệp được cấp giấy phép cho thuê lại lao động** | | **Số lao động cho thuê lại (người)** | | **Số lao động theo thời hạn cho thuê lại lao động (người)** | | | **Các chế độ của người lao động cho thuê lại** | | | **Số lao động thuê lại tham gia bảo hiểm bắt buộc (người)** | **Ghi chú** |
| **Trong địa bàn tỉnh** | **Ngoài địa bàn tỉnh** | **Của doanh nghiệp trong địa bàn tỉnh** | **Của doanh nghiệp ngoài địa bàn tỉnh** | **Dưới**  **6 tháng** | **Từ 6 tháng đến**  **12 tháng** | **Khác** | **Tiền lương bình quân (đồng/người/ tháng)** | **Thu nhập bình quân (đồng/người/ tháng** | **Chế độ phúc lợi** |
|  | A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu số 0615a.N.LĐVL. Số doanh nghiệp cho thuê lại lao động được cấp phép và số lao động cho thuê lại**

**Biểu số 0615b.N.LĐVL. Tình hình hoạt động cho thuê lại lao động**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Doanh nghiệp cho thuê lại lao động là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp, được cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, có tuyển dụng, giao kết hợp đồng lao động với người lao động, sau đó chuyển người lao động sang làm việc và chịu sự điều hành của người sử dụng lao động khác mà vẫn duy trì quan hệ lao động với doanh nghiệp đã giao kết hợp đồng lao động.

Người lao động thuê lại là người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, được doanh nghiệp cho thuê lại tuyển dụng và giao kết hợp đồng lao động, sau đó chuyển sang làm việc và chịu sự điều hành của bên thuê lại lao động.

Số lượng doanh nghiệp thuê lại lao động là số doanh nghiệp có sử dụng người lao động thuê lại của các doanh nghiệp đã được cấp giấy phép.

**2. Cách ghi biểu**

**a) Biểu số 0615a.N.LĐVL. Số doanh nghiệp cho thuê lại lao động được cấp phép và số lao động cho thuê lại**

Cột 1 ghi tổng số doanh nghiệp tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A trong kỳ.

Cột 2 ghi tổng số doanh nghiệp nhà nước tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A trong kỳ.

Cột 3 ghi tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A trong kỳ.

Cột 4 ghi tổng số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A trong kỳ.

Cột 5 ghi tổng số Số lao động cho thuê lại tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A trong kỳ.

Cột 6 ghi tổng số doanh nghiệp thuê lại lao động hoạt động trong địa bàn tỉnh tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A trong kỳ.

Cột 7 ghi tổng số doanh nghiệp thuê lại lao động hoạt động ngoài địa bàn tỉnh tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A trong kỳ.

**b) Biểu số 0615b.N.LĐVL. Tình hình hoạt động cho thuê lại lao động**

Cột A ghi công việc cho thuê lại lao động được doanh nghiệp cho thuê lại lao động thực hiện cho thuê lại.

Cột 1 ghi số doanh nghiệp được cấp giấy phép cho thuê lại lao động trong địa bàn tỉnh thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A.

Cột 2 ghi số doanh nghiệp được cấp giấy phép cho thuê lại lao động ngoài địa bàn tỉnh thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A.

Cột 3 ghi số lao động cho thuê lại lao động của doanh nghiệp trong địa bàn tỉnh thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A.

Cột 4 ghi số lao động cho thuê lại lao động của doanh nghiệp ngoài địa bàn tỉnh thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A.

Cột 5 ghi số lao động cho thuê lại thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A có thời hạn cho thuê lại lao động dưới 06 tháng.

Cột 6 ghi số lao động cho thuê lại thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A có thời hạn cho thuê lại lao động từ 06 đến 12 tháng.

Cột 7 ghi số lao động cho thuê lại thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A có thời hạn cho thuê lại lao động khác.

Cột 8 ghi tiền lương bình quân của người lao động cho thuê lại lao động thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A.

Cột 9 ghi thu nhập bình quân của người lao động cho thuê lại lao động thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A bao gồm tiền lương, tiền thường và thu nhập khác.

Cột 10 ghi chế độ phúc lợi mà người lao động thuê lại được hưởng khi thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A (bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm xã hội, tiền lễ, tết, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ……..).

Cột 11 ghi số lao động thuê lại được tham gia bảo hiểm bắt buộc (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) khi thực hiện công việc cho thuê lại lao động tại cột A.

Cột 12 ghi chú.

**3. Nguồn số liệu**

Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.